

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08-12-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Khoa;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Huyền L1, sinh năm 1984, cư trú tại: ấp C.N, xã L3, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn L2, sinh năm 1989, cư trú tại: ấp C.N, xã L3, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Đỗ Thị Huyền L1 cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà L1 và ông L2 sống chung không có tổ chức lễ cưới, nhưng có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L3 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 146, ngày 01/11/2011. Hôn nhân của vợ chồng bà là tự nguyện, có tình hiểu nhau được 08 tháng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L2 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà L1 có khuyên ông L2 quay lại tiếp tục chung sống với bà L1 nhưng ông L2 không đồng ý. Vào năm 2020 bà L1 và ông L2 có nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, tuy nhiên sau đó vợ chồng bà đã rút đơn yêu cầu để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng cho đến nay tình cảm vợ chồng bà cũng không cải thiện được. Vợ chồng bà L1 đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Bà L1 nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông L2 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L1 và ông L2 được ly hôn.

Về nuôi con chung: Bà L1 và ông L2 chung sống có hai người con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 14/8/2012 và Trần Quốc M, sinh ngày 10/7/2019. Trong thời

gian ly thân, hai con chung do bà L1 chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà L1 yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung và không yêu cầu ông L2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà L1 xác định không có.

Về nợ chung: bà L1 xác định không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn L2. Ông L2 không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của bà L1 và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị Huyền L1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn L2, ông L2 có nơi cư trú tại ấp C.N, xã L3, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Trần Văn L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông L2.

[2] Về hôn nhân: bà Đỗ Thị Huyền L1 và ông Trần Văn L2 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L3 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 146, ngày 01/11/2011, nên xác định hôn nhân giữa bà L1 và ông L2 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hôn nhân của vợ chồng bà là tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L2 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà L1 có khuyên ông L2 quay lại tiếp tục chung sống với bà L1 nhưng ông L2 không đồng ý. Vào năm 2020 bà L1 và ông L2 có nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, tuy nhiên sau đó vợ chồng bà đã rút đơn yêu cầu để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng cho đến nay tình cảm vợ chồng bà cũng không cải thiện được. Vợ chồng bà L1 đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L2 nhưng ông L2 không đến Tòa án tham gia hòa giải theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, bà L1 vẫn giữ nguyên câu yêu cầu ly hôn với ông L2. Hội đồng xét xử xét thấy cả bà L1 và ông L2 đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống hôn nhân. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà L1 và ông L2 không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L1 đối với ông L2.

[3] Về nuôi con chung: trong thời gian chung sống, bà L1 và ông L2 có hai người con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 14/8/2012 và Trần Quốc M, sinh ngày 10/7/2019. Trong thời gian ly thân, hai người con chung do bà L1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu Bảo có nguyện vọng muốn tiếp tục được sống với mẹ trong trường hợp cha mẹ ly hôn, còn đối với cháu Minh đến ngày mở phiên tòa xét xử cháu Minh vẫn chưa đủ 03 tuổi, đồng thời trong thời gian ly thân, cháu Minh vẫn do bà L1 chăm sóc nuôi dưỡng nên giao cho bà L1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L1, giao cháu Bảo và cháu Minh cho bà L1 nuôi dưỡng. Bà L1 không yêu cầu ông L2 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L1 trình bày bà và ông L2 không có tài sản

chung, không có nợ chung. Ông L2 không có ý kiến phản hồi về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà L1 phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Huyền L1 về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Trần Văn L2.

Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Huyền L1 được ly hôn với ông Trần Văn L2.

Về nuôi con chung: Giao cho bà Đỗ Thị Huyền L1 nuôi dưỡng hai người con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 14/8/2012 và Trần Quốc M, sinh ngày 10/7/2019. Ông Trần Văn L2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Đỗ Thị Huyền L1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L1 đã nộp theo biên lai thu số 0009719 ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã L3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Thu Xuân

